

Phụ lục

KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện Gia Lộc)

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m2)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ chi tiết				Tổng cộng (đồng)
				Đất nông nghiệp	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống	Cây cối, hoa màu	
I	Địa bàn xã Hoàng Diệu							
1	Hoàng Quốc Huy	thôn Phong Lâm	5.20	390,000	1,170,000	2,574,000	52,000	4,186,000
2	Đỗ Tiến Dũng	thôn Phong Lâm	5.20	390,000	1,170,000	2,574,000	52,000	4,186,000
3	Ngô Văn Bao	thôn Phong Lâm	10.64	798,000	2,394,000	2,145,000	106,400	5,443,400
4	Lê Thị Quyên	thôn Phong Lâm	7.91	593,250	1,779,750	2,145,000	1,050,000	5,568,000
5	Hồ Thị Hòa	thôn Phong Lâm	18.33	1,374,750	4,124,250	2,145,000	183,300	7,827,300
6	Lê Hoàng Chính	thôn Phong Lâm	5.20	390,000	1,170,000	2,145,000	840,000	4,545,000
7	Phạm Khắc Chát (Gái)	thôn Phong Lâm	19.89	1,491,750	4,475,250	3,003,000	198,900	9,168,900
8	Trần Văn Tỵ (Nhàng)	thôn Phong Lâm	4.32	324,000	972,000	2,145,000	43,200	3,484,200
9	Trần Văn San (Đào)	thôn Phong Lâm	4.32	324,000	972,000	3,003,000	43,200	4,342,200
10	Nguyễn Thị Linh (Bình)	thôn Phong Lâm	4.32	324,000	972,000	2,574,000	43,200	3,913,200
11	Đặng Thị Thái	thôn Trúc Lâm	8.84	663,000	1,989,000	2,145,000	88,400	4,885,400
12	Nguyễn Văn Nam	thôn Trúc Lâm	19.89	1,491,750	4,475,250	2,145,000	198,900	8,310,900
13	UBND xã Hoàng Diệu	xã Hoàng Diệu	8.84	663,000	-	-	-	663,000
II	Địa bàn xã Hồng Hưng							
1	Nguyễn Văn Khôi (Khuyên)	thôn Phương Khê	18.33	1,374,750	4,124,250	3,003,000	183,300	8,685,300
2	Phạm Văn Ly	thôn Phương Khê	4.32	324,000	972,000	2,574,000	43,200	3,913,200

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m2)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ chi tiết				Tổng cộng (đồng)
				Đất nông nghiệp	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống	Cây cối, hoa màu	
3	Đặng Thị Khuê (Khuyên)	thôn Phương Khê	4.32	324,000	972,000	2,145,000	43,200	3,484,200
4	Lê Minh Tứ	thôn Phương Khê	18.33	1,374,750	4,124,250	1,287,000	183,300	6,969,300
5	Nguyễn Văn Cồn	thôn Phương Khê	19.89	1,491,750	4,475,250	2,145,000	198,900	8,310,900
6	Đặng Đình Minh	thôn Phương Khê	4.32	324,000	972,000	2,574,000	43,200	3,913,200
7	Đặng Đình Thuật	thôn Phương Khê	4.32	324,000	972,000	2,145,000	43,200	3,484,200
8	Phạm Văn Hưng	thôn Phương Khê	18.33	1,374,750	4,124,250	2,574,000	183,300	8,256,300
9	Tăng Thị Cồn	thôn Phương Khê	23.93	1,794,750	5,384,250	2,145,000	239,300	9,563,300
10	Nguyễn Văn Phiên	thôn Phương Khê	5.20	390,000	1,170,000	2,145,000	52,000	3,757,000
11	Đặng Thị Sóm (Định)	thôn Phương Khê	15.28	1,146,000	3,438,000	3,432,000	152,800	8,168,800
12	Nguyễn Quang Diễn	thôn Thị Xá	19.89	1,491,750	4,475,250	1,716,000	198,900	7,881,900
13	UBND xã Hồng Hưng	xã Hồng Hưng	5.2	390,000	-	-	-	390,000
14	UBND xã Hồng Hưng	xã Hồng Hưng	10.4	832,000	-	-	-	832,000
III	Địa bàn thị trấn Gia Lộc							
1	Phạm Thị Bồng	thị trấn Gia Lộc	12.71	1,016,800	3,050,400	3,432,000	127,100	7,626,300
2	Dương Thị Hậu	thị trấn Gia Lộc	25.01	2,000,800	6,002,400	2,574,000	250,100	10,827,300
3	Phạm Văn Hưng	thị trấn Gia Lộc	12.71	1,016,800	3,050,400	2,145,000	127,100	6,339,300
4	UBND thị trấn Gia Lộc	thị trấn Gia Lộc	12.71	1,016,800	-	-	-	1,016,800
Tổng cộng			358.10	27,225,200	72,970,200	64,779,000	4,968,400	169,942,800